ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
Chương: 427

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2019

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện đến quý 2 năm 2019	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
1	Số thu phí, lệ phí	**100.000.000**	**46.942.000**	**47%**	
1.1	Phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản	100.000.000	38.381.500	38%	
2	Số phí, lệ phí nộp NSNN	100.000.000	38.381.500	38%	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
1	**Quản lý hành chính (KP tự chủ: 341-13)**	**3.941.724.691**	**1.870.167.917**	**47%**	
2	**Kinh phí cải cách tiền lương (341-14)**	**98.828.565**		**0%**	
3	**Quản lý hành chính (KP không tự chủ: 341-12)**	**1.577.000.000**		**0%**	
3.1	May trang phục thanh tra	11.000.000		0%	
3.2	Triển khai kế hoạch ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	819.000.000	3.800.000	0%	
3.3	Đảm bảo an toàn hệ thống bảo mật và cảnh báo an toàn, an ninh thông tin	747.000.000	743.470.000	99,5%	
4	**Sự nghiệp kinh tế (314-12)**	**9.315.663.200**	**1.691.419.500**	**18%**	
4.1	Chi phục vụ công tác xử phạt Vi phạm hành chính (338-12)	20.000.000	10.379.000	52%	
4.2	Kinh phí thực hiện thanh tra đột xuất, liên ngành	21.000.000		0%	
4.3	Kinh phí hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành phòng chống in lậu tỉnh Gia Lai	47.000.000	4.516.000	10%	
4.4	Kinh phí mua bản tin báo chí tỉnh Gia Lai	78.000.000	19.500.000	25%	
4.5	Kinh phí Kiểm tra chất lượng Bưu chính	25.000.000	25.000.000	100%	
4.6	Kinh phí tổ chức cuộc thi viết thư quốc tế UPU lần thứ 49	13.000.000	1.980.000	15%	
4.7	Kinh phí kiểm tra việc thực hiện xếp hạng chính quyền điện tử tỉnh Gia Lai	18.000.000	4.650.000	26%	
4.8	Nâng cấp phần mềm quản lý văn bản và điều hành tỉnh Gia Lai (theo Quyết định số 28/2018/QĐ-	409.000.000	204.363.500	50%	
4.9	Bổ sung tính năng bảo mật cho thiết bị tường lửa của các Sở, ngành	2.090.000.000	2.084.525.000	99,7%	
4.10	Nâng cấp phần mềm một cửa điện tử liên thông tỉnh Gia Lai giải quyết lĩnh vực đất đai	1.279.000.000	622.000.000	49%	
4.11	Xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 tỉnh Gia Lai theo Quyết định 877/QĐ-TTg năm 2018	1.355.000.000		0%	
4.12	Kinh phí quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng và duy trì các hệ thống thông tin của tỉnh	995.000.000	497.500.000	50%	
4.13	Mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến và đầu tư màn hình LED tại Hội trường 2/9	2.965.663.200	2.869.757.000	97%	
5	**Sự nghiệp văn hóa thông tin (171-12)**	**1.016.000.000**	**34.329.000**	**3%**	
5.1	Liên hoan Phát thanh truyền hình toàn tỉnh lần thứ IX – năm 2019	112.000.000		0%	
5.2	Xây dựng và phát sóng chuyên mục Thông tin và Truyền thông trên Đài Phát thanh - Truyền hình	54.000.000	27.000.000	50%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện đến quý 2 năm 2019	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
5.3	Chi các hoạt động về thông tin đối ngoại	510.000.000	243.652.000	48%	
5.4	Chi các hoạt động về thông tin cơ sở	67.000.000	53.576.000	80%	
5.5	Chi đọc, kiểm tra lưu chiểu xuất bản phẩm lưu	15.000.000	6.127.000	41%	
5.6	Kinh phí tổ chức Ngày sách Việt Nam	103.000.000	103.000.000	100%	
5.7	Xuất bản Bản tin Thông tin và Truyền thông	155.000.000	75.927.000	49%	
6	**Sự nghiệp KHCN (103 - 12)**	**86.000.000**	**43.000.000**	**50%**	
6.1	Tổ chức hội thi tin học trẻ	86.000.000	43.000.000	50%	
7	**KP đảm bảo trật tự ATGT (338-12)**	**102.000.000**	**51.000.000**	**50%**	
8	**Đào tạo công nghệ thông tin cho CBCCVC tỉnh, huyện (Khoản 085 - Nguồn 12)**	**897.000.000**	**441.500.000**	**49%**	
9	**Chương trình mục tiêu quốc gia về công nghệ thông tin**	**1.000.000.000**	**497.243.000**	**50%**	
10	**Chương trình MTQG dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin** (Vốn Trung ương mã CTMT 0025 loại 160, khoản 171)	**3.641.000.000**	**75.618.000**	**2%**	
11	**Chương trình MTQG dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin** (Vốn địa phương mã CTMT 0025 loại 280, khoản 338)	**364.000.000**		**0%**	
12	**Chương trình MTQG dự án nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình** (Mã CTMT 0026 loại 280, khoản 338)	**15.000.000**		**0%**	
13	**Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới dự án phát triển ngành nghề nông thôn OCOP** (Mã CTMT 0395 loại 280, khoản 281)	**240.000.000**	**55.000.000**	**23%**	
14	**Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hỗ trợ hoạt động cơ quan chỉ đạo các cấp** (Mã CTMT 0403 loại 340, khoản341)	**25.000.000**		**0%**	
15	**Kinh phí Hỗ trợ Tết Nguyên đán 2019**	**6.200.000**	**6.200.000**	**100%**	
16	**Dự án: "Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin các ngành, lĩnh vực dựa trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý nhà nước tỉnh Gia Lai "**	**9.000.000.000**	**3.246.503.000**	**36%**	

Gia Lai, ngày 05 tháng 7 năm 2019

Kế toán **Giám đốc**

Trần Thị Như Ý **Nguyễn Ngọc Hùng**